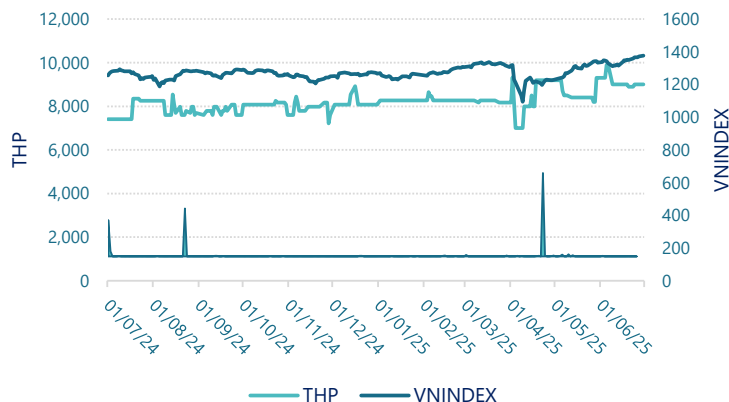




CTCP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước (UPCOM: THP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,000
SL cổ phiếu LH	21,610,785
KLGD BQ 20 phiên (CP)	17,541
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	194
P/E	10.9
EPS	826

DT thuần

Q2/25

792

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 137 | 20.9%

YoY: ▼ 71.0 | -8.2%

LN sau thuế

Q2/25

11.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.07 | 267%

YoY: ▼ 0.80 | -6.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

2.8%

+/- YoY: ▲ 0.1%

DT thuần

6T 2025

1,447

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 63.0 | -4.2%

LN sau thuế

6T 2025

14.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.80 | 14.6%

ROE

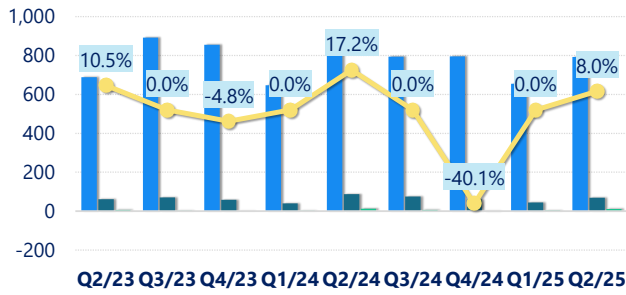
Q2/25

5.0%

+/- YoY: ▲ 1.1%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh



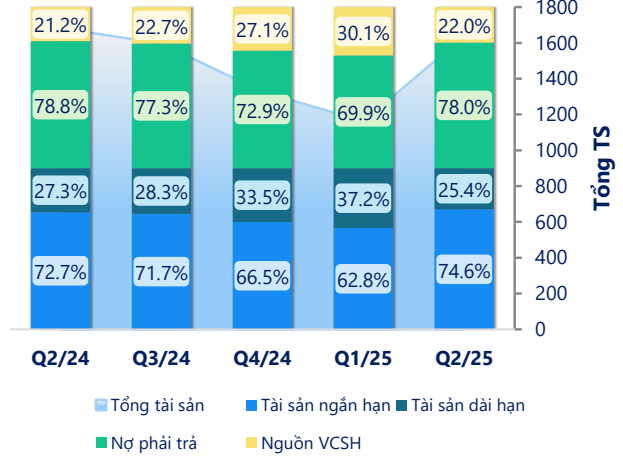
Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

Doanh thu thuần
Lợi nhuận gộp
Lợi nhuận sau thuế
Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

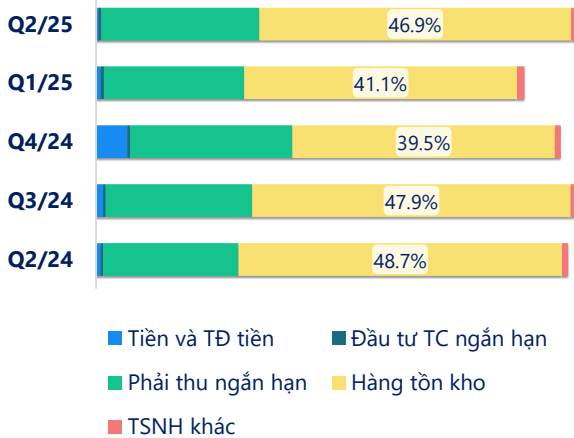


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

Tổng tài sản
Tài sản ngắn hạn
Tài sản dài hạn
Nợ phải trả
Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

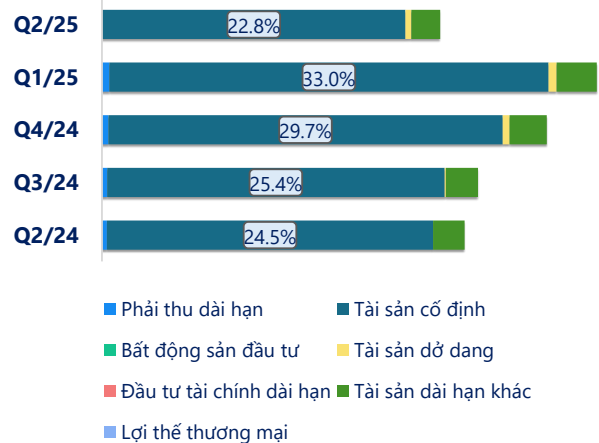
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Tiền và TĐ tiền
Phải thu ngắn hạn
Đầu tư TC ngắn hạn
Hàng tồn kho
TSNH khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

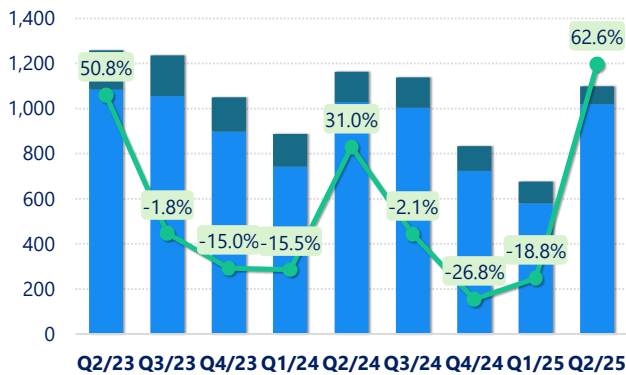


Phải thu dài hạn
Tài sản cố định
Bất động sản đầu tư
Tài sản dở dang
Đầu tư tài chính dài hạn
Lợi thế thương mại
Tài sản dài hạn khác

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



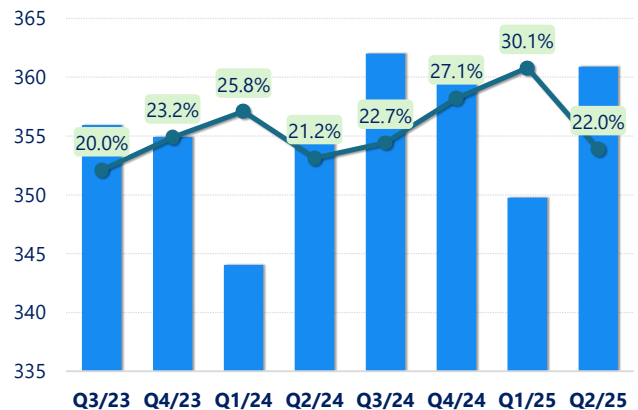
Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

Vay và nợ thuê ngắn hạn
Vay và nợ thuê dài hạn
Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

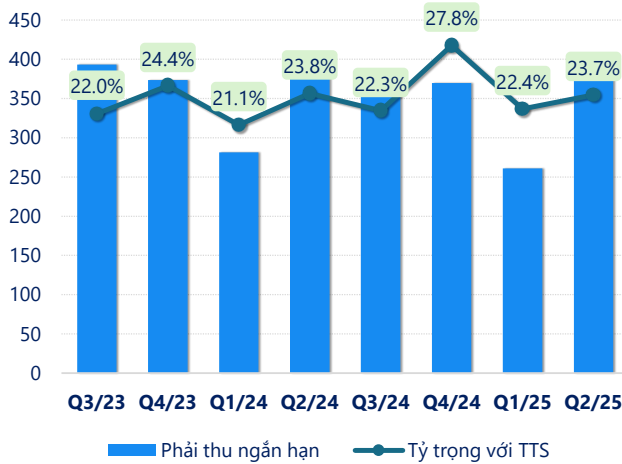


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

Vốn chủ sở hữu
Tỷ trọng với TTS

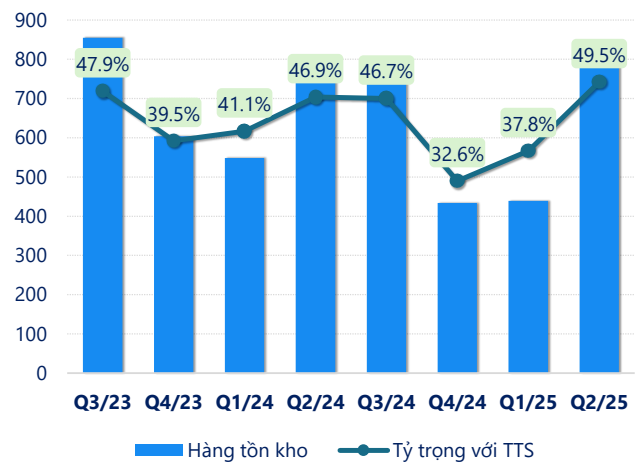
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


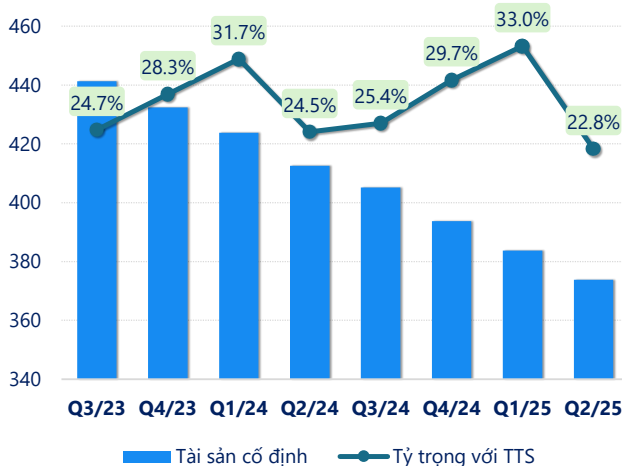
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


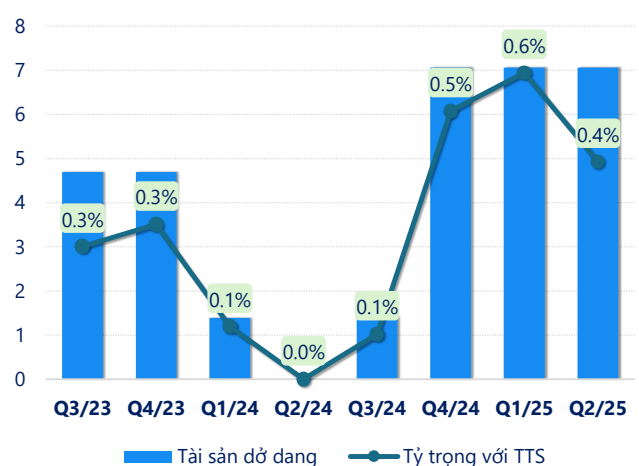
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

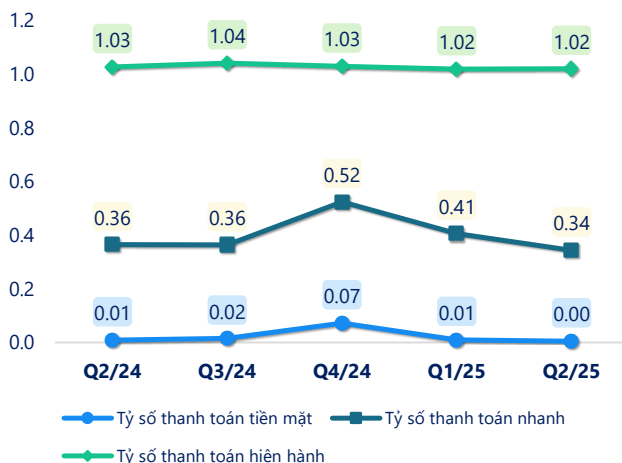
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

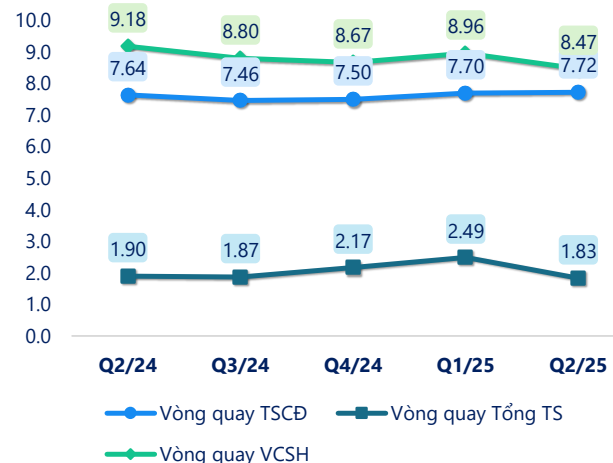
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,682	1,596	1,328	1,162	1,637
Tài sản ngắn hạn	1,223	1,144	883	729	1,220
Tiền và tương đương tiền	10.5	16.8	62.0	7.40	5.68
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.18	7.18	7.36	7.36	7.28
Phải thu ngắn hạn	400	356	370	261	387
Hàng tồn kho	789	745	434	439	810
Tài sản ngắn hạn khác	16.4	19.8	10.9	15.2	10.5
Tài sản dài hạn	459	452	444	432	416
Phải thu dài hạn	6.41	6.20	6.41	6.45	0
Tài sản cố định	413	405	394	384	374
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	1.43	7.06	7.06	7.06
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	39.9	38.8	37.2	35.1	35.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,326	1,234	968	812	1,276
Nợ ngắn hạn	1,192	1,099	859	716	1,196
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,028	1,004	723	580	1,019
Phải trả người bán ngắn hạn	88.0	28.3	51.9	86.2	111
Nợ dài hạn	135	135	110	95.9	80.2
Vay và nợ thuê dài hạn	135	135	110	95.9	80.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	356	362	360	350	361
Vốn chủ sở hữu	356	362	360	350	361
Vốn điều lệ	216	216	216	216	216
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)